

**PHỤ LỤC I**  
**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THÁNG 8 NĂM 2023**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVHCC ngày tháng 9 năm 2023 của Trung tâm Phục vụ hành chính công)*

STT	TÊN CƠ QUAN	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ					TÌNH HÌNH TRẢ KẾT QUẢ VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ										SỬ DỤNG DỊCH VỤ BCCI			
		Tổng số HSTN trong kỳ	Trong đó				Tổng số HS phải giải quyết	HS kỳ trước chuyển qua	Tổng số HS đã GQ & TKQ	Trong đó						Tổng số hồ sơ	Trong đó		Đạt %	
			HSTN trực tiếp	Đạt %	HSTN trực tuyến	Đạt %				TKQ trước hạn	Đạt %	TKQ đúng hạn	Đạt %	Hồ sơ trễ hạn	Đạt %		Tiếp nhận	Trả kết quả		
1	Bảo hiểm Xã hội	3.031	499	16,46	2.532	83,54	3.371	340	3.152	0	0	3.152	100	0	0	72	28	44	2,14	
2	Ban Quản lý các KCN	50	6	12	44	88	54	4	46	46	100	0	0	0	0	8	0	8	14,81	
3	Công an tỉnh	480	480	100	0	0	480	0	471	40	8,49	431	91,51	0	0	0	0	0	0	
4	Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình	1.350	1	0,07	1.349	99,93	1.401	51	1.401	1.401	100	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Sở Công Thương	2.872	10	0,35	2.862	99,65	3.460	588	3.314	32	0,97	3.282	99,03	0	0	12	5	7	0,35	
6	Sở Du lịch	7	0	0	7	100	13	6	12	12	100	0	0	0	0	12	0	12	92,31	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	118	0	0	118	100	119	1	87	87	100	0	0	0	0	36	1	35	30,25	
8	Sở Giao thông Vận tải	1.804	1.804	100	0	0	1.858	54	2.089	1.974	94,49	115	5,51	0	0	484	0	484	26,05	
9	Sở Khoa học và CN	9	0	0	9	100	13	4	10	10	100	0	0	0	0	10	0	10	76,92	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	434	411	94,7	23	5,3	491	57	297	295	99,33	2	0,67	0	0	177	0	177	36,05	
11	Sở Lao động - TBXH	152	0	0	152	100	197	45	155	155	100	0	0	0	0	64	0	64	32,49	
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	39	1	2,56	38	97,44	52	13	37	37	100	0	0	0	0	28	0	28	53,85	
13	Sở Nội vụ	8	1	12,5	7	87,5	22	14	21	21	100	0	0	0	0	7	0	7	31,82	
14	Sở Tài chính	7	3	42,86	4	57,14	10	3	9	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Sở Tài nguyên và MT	79	71	89,87	8	10,13	126	47	75	71	94,67	2	2,67	2	2,67	1	0	1	0,79	
16	Sở Tư pháp	849	391	46,05	458	53,95	1.308	459	819	819	100	0	0	0	0	652	38	614	49,85	
17	Sở Thông tin và TT	14	0	0	14	100	18	4	18	18	100	0	0	0	0	1	0	1	5,56	
18	Sở Văn hóa Thể thao	20	0	0	20	100	23	3	22	22	100	0	0	0	0	9	0	9	39,13	
19	Sở Xây dựng	52	0	0	52	100	75	23	48	48	100	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	Sở Y tế	103	1	0,97	102	99,03	167	64	90	90	100	0	0	0	0	80	0	80	47,9	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.478</b>	<b>3.679</b>	<b>32,05</b>	<b>7.799</b>	<b>67,95</b>	<b>13.258</b>	<b>1.780</b>	<b>12.173</b>	<b>5.187</b>	<b>42,61</b>	<b>6.984</b>	<b>57,37</b>	<b>2</b>	<b>0,02</b>	<b>1.653</b>	<b>72</b>	<b>1.581</b>	<b>12,47</b>	

Ghi chú: Số lượng hồ sơ tiếp nhận chưa bao gồm:

- Công an tỉnh tiếp nhận 480 hồ sơ trực tuyến, Sở KHĐT tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 4: 411 hồ sơ (do chưa hoàn thiện giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh với phần mềm chuyên ngành của Bộ Công an, Bộ KHĐT, nên ảnh hưởng đến kết quả thống kê tiếp nhận trực tuyến trên cổng dịch vụ công của tỉnh)

- Sở Nội vụ tiếp nhận 07 hồ sơ trực tuyến, trong đó trực tiếp thẩm định: 47 hồ sơ tập thể, 62 hồ sơ cá nhân